

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

Bản án số: 17/2025/DS-PT

Ngày: 18 - 4 - 2025

V/v "Tranh chấp di sản thừa kế"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Trường Sơn.

Các thẩm phán: Ông Vũ Văn Túc và ông Nguyễn Quang Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Quý Thanh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 18/4/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2025/TLPT-DS ngày 13/01/2024 về việc: Tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do có kháng cáo của bị đơn Bùi Văn B đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2024/DS-ST ngày 04/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐ-PT ngày 13/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1959. Địa chỉ: tiểu khu A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn B, sinh năm 1968. Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Chu Đình H – Công ty L4. Địa chỉ: Số E, ngõ A Pháo Đài L, phường L, quận Đ, TP Hà Nội. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND huyện L, tỉnh Hòa Bình. Trụ sở: tiểu khu A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. (Vắng mặt)

3.2. Ông Bùi Trung K, sinh năm 1957. Địa chỉ: tiểu khu A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. (Vắng mặt)

3.3. Bà Bùi Thị N1, sinh năm 1963. Địa chỉ: tiểu khu A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

3.4. Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1965. Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

3.5. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1972 là vợ ông B. (Vắng mặt)

3.6. Cháu Bùi Kháng L, sinh năm 1997 và cháu Bùi Nguyên P, sinh năm 2013 (là con đẻ của ông B). Cùng địa chỉ: xóm Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. (Vắng mặt)

3.7. Ông Bùi Trọng L1, sinh năm 1961 (đã chết)

- Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông L1 gồm: Bà Bùi Thị N, ông Bùi Trung K, bà Bùi Thị N1, bà Bùi Thị H1 và ông Bùi Văn B.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Bùi Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Bùi Thị N trình bày:

Cụ Bùi Văn Í và cụ Hoàng Thị T1 (bố mẹ đẻ của bà N) là vợ chồng, sinh được 06 người con là bà Bùi Thị N, ông Bùi Trung K, ông Bùi Trọng L1, bà Bùi Thị N1, bà Bùi Thị H1 và ông Bùi Văn B. Năm 1992 cụ Í chết không để lại di chúc. Quá trình chung sống, cụ Í và cụ T1 có tạo dựng một khối tài sản là thửa đất số 27 và thửa đất số 28, tờ bản đồ 145-b, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.880m², địa chỉ: xóm Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Năm 2014 cụ T1 chết, không để lại di chúc, thời điểm này ông B mới công khai thửa đất số 27 và 28 đã đứng tên mình thì anh em trong gia đình mới biết. Mọi người đã khuyên ông B cắt chia cho ông L1 một phần để làm nhà vì ông L1 không có vợ con nhưng ông B không đồng ý.

Ngày 06/5/2020 gia đình bà N họp bàn thống nhất diện tích 02 thửa đất là 1800m² đất cắt cho ông B là 600m², ông L1 300m², còn lại 900m² chia đều cho ông K, bà N, bà N1, bà H1 và cho ông L1 1,5m đường đi, anh em bà N đã thống nhất ký tên và được UBND xã T xác nhận vào biên bản. Tuy nhiên sau đó ông B lại từ chối không đồng ý với biên bản thỏa thuận này.

Ngày 11/10/2022 ông Bùi Văn L2 chết. Nay bà N đề nghị Toà án giải quyết chia di sản thừa kế của bố mẹ cho anh chị em cụ thể: thửa đất số 27 diện tích trong giấy CNQSD đất là 1240m² trong đó đất ở là 400m² đất vườn là 840m² (diện tích theo trích đo là 1229.0 m²) và thửa đất số 28 diện tích đất vườn là 640m² (diện tích trích đo là 667.9m²) tờ bản đồ 145-b chia đều cho 07 phần trong đó 06 người con của cụ Í, cụ T1 gồm bà N, ông K, ông L2 (đã chết năm 2022), bà H1, bà N1, ông B. Còn 01 phần là để ông B thờ cúng và hưởng công sức đóng góp bởi đã có công tôn tạo 02 thửa đất. Do thửa đất số 28 không có đất ở nên bà N tự nguyện nhận 50m² đất ở của thửa số 27 còn lại bà N xin nhận đất vườn.

2. Ý kiến của bị đơn ông Bùi Văn B:

Về nguồn gốc thửa đất ông B xác nhận như bà N trình bày là đúng. Năm 1992 cụ Í mất. Năm 1996 chính quyền địa phương và cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra đo đạc, cụ T1 (mẹ ông B) có cho ông B đứng ra làm thủ tục cấp GCNQSD đất. Năm 1998 UBND huyện L cấp GCNQSD đất mang tên là Bùi Văn B, các anh chị em đều biết việc này nhưng không có ý kiến gì. Từ năm 2002 đến năm 2012 vợ chồng ông B xây nhà và trồng cây cối hoa màu trên đất, đồng thời chăm sóc nuôi dưỡng cụ T1. Nay bà N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế cho 6 anh chị em. Ông B có ý kiến chia cho ông L2 một phần theo như biên bản thỏa thuận trước đó là 300m², còn ông K, bà N, bà N1, bà H1 đã có nhà và ở riêng. Trong trường hợp bà N không đồng ý đề nghị Toà án xem xét đến công sức quản lý, tôn tạo gìn giữ thửa đất trên, công sức chăm sóc nuôi dưỡng mẹ già, thờ cúng và các nghĩa vụ tài chính từ năm 1990 đến nay. Nếu phải phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật ông B đề nghị được hưởng 1380m² đất còn lại chia cho 5 anh chị.

Ngày 11/10/2022 ông L2 chết không để lại di chúc, khi còn sống ông L2 ở với ông B và ông B là người mai táng, chôn cất, thờ cúng ông L2 nên đề nghị Toà án giải quyết cho ông B được hưởng phần đất của ông L2 như thời gian đầu anh chị em trong gia đình thống nhất là 300m² đất. Ông B không đồng ý với quan điểm của nguyên đơn và có ý kiến sẽ chia cho mỗi anh chị em tiền khi ông B bán được đất.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. *Ý kiến ông* Bùi Trung K: Xác nhận di sản thừa kế của cụ Í và chị T1 để lại là thửa đất số 27 và thửa đất số 28, tờ bản đồ 145-b, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.880m² địa chỉ: xóm Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Ông B tự ý đổi sổ thành tên Bùi Văn B, đề nghị Toà án chia thừa kế theo pháp luật. Phần đất ông K được hưởng thừa kế để lại cho ông B. Nay ông L2 mất đề nghị Toà án chia làm 6 phần trong đó 5 phần cho 5 người còn 01 phần để ông B làm nơi thờ cúng và ông B được hưởng cả phần của ông K.

3.2. *Ý kiến bà* Bùi Thị N1: Xác nhận di sản thừa kế của cụ Í và cụ T1 để lại là thửa đất số 27 và thửa đất số 28, tờ bản đồ 145-b, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.880m² địa chỉ: xóm Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Đề nghị chia di sản thừa kế theo pháp luật. Do hai thửa đất trên cùng giấy CNQSD đất bà N1 tự nguyện nhận 50m² đất ở còn lại đất vườn.

3.3. *Ý kiến bà* Bùi Thị H1: Xác nhận di sản thừa kế của cụ Í và chị T1 để lại là thửa đất số 27 và thửa đất số 28, tờ bản đồ 145-b, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.880m² địa chỉ: xóm Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Bà H1 thống nhất đề nghị Toà án chia di sản thừa kế cho anh em bà H1 thành 6 phần bằng nhau. Quá trình Toà án giải quyết ông L2 chết phần diện tích theo trích đo là 2157,5m² gia đình bà H1 thống nhất bỏ ra 157,5m² làm đường đi chung của tất cả các hộ bên trong còn lại 2000m² chia thành 7 suất. Suất của ông L2 chia tiếp cho 5 anh chị em, 01 suất cho ông B để làm thờ cúng và trả công sức đóng góp cho vợ chồng B, 03 chị em gái mỗi người cho ông B 100m² nữa tổng cộng ông B được khoảng 1100m². Nếu ông B không đồng ý thì đề nghị Toà án chia theo pháp luật. Bà H1 tự nguyện xin nhận 50m² đất ở còn lại là đất vườn .

3.4. *Ý kiến bà Hoàng Thị T:* Bà T kết hôn với ông Bùi Văn B từ năm 1990. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với mẹ đẻ ông B (cụ Hoàng Thị T1) còn bố ông B lúc đó sống ở K. Bố mẹ ông B sinh được 06 người con là anh K, chị N, chị N1, anh L2, chị N1 và anh B. Khi bà T về sống với gia đình nhà ông B chỉ có căn nhà tranh vách đất, mấy cây tre, vài cây bưởi chua hiện không còn. Sau năm 2000 vợ chồng bà T làm căn nhà cấp 4 như hiện tại đang ở. Hai thửa đất đều rất trũng, ngập nước vợ chồng bà đã tôn tạo rất nhiều nên mới được như bây giờ. Lý do ông B được đứng tên trong GCNQSD đất là do thời điểm cấp giấy ông trưởng xóm ông Đinh văn K1 (đã chết) đến nhà bảo gia đình đi làm sổ đỏ. Do tuổi cao nên cụ T1 có giao cho ông B đi làm thủ tục. Năm 1998 ông B được cấp GCNQSD đất thửa số 27 và số 28. Thời gian đi đăng ký cấp GCNQSD đất các anh chị đều không biết. Sau khi ông B được cấp sổ đỏ khoảng vài năm thì các anh chị mới biết thửa đất đứng tên ông B nhưng không ai có ý kiến gì, khi ông bà làm nhà cũng không ai có ý kiến gì. Nay bà N yêu cầu chia thừa kế nếu Toà xét thấy đất của bố mẹ ông B để lại thì đề nghị Toà án xem xét đến công sức đóng góp của vợ chồng ông B trong việc nuôi dưỡng mẹ già và ông L2, tu tạo đất xây nhà cho mẹ chồng ở, trồng cây trên đất.

3.5. *Đại diện Ủy ban nhân dân huyện L ông Nguyễn Đức T2 trình bày:* Hồ sơ cấp GCNQSD đất cho ông Bùi Văn B và bà Hoàng Thị T hiện nay Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chưa tìm thấy. Về hồ sơ cấp GCNQSD đất do UBND xã T cung cấp thì năm 1998 ông B và bà T có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất gồm thửa 27 diện tích 400m² đất ở và 840m² đất vườn; thửa số 28 có diện tích 640m² đất vườn. Ngày 30/12/1998 ông Bùi Văn B được UBND huyện L cấp GCNQSD đất số vào sổ 0101/QSD đất /17311QĐ/UB với tổng diện tích 1.880m² gồm thửa số 27 và thửa số 28, tờ bản đồ 145-b tại xóm Đ, xã T. Nay bà Bùi Thị N và ông Bùi Văn B tranh chấp di sản thừa kế của cụ Hoàng Thị T1 và cụ Bùi Văn Í, đề nghị Toà án căn cứ quy định pháp luật giải quyết bảo vệ quyền lợi cho các bên đương sự.

4. Người làm chứng:

4.1. *Tại văn bản trả lời số 596 ngày 26/9/2022 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai trả lời:* Không có hồ sơ cấp GCNQSD đất thửa số 27 và 28 tên ông Bùi Văn B tại xóm Đ, xã T. UBND huyện L cấp giấy chứng nhận số 245954 ngày 30/12/1998 cho ông Bùi Văn B. Tra sổ cấp giấy CNQSD đất tại xã T: có thông tin cấp GCNQSD đất cho ông Bùi Văn B tại thửa số 27, 28 tờ bản đồ số 145b, diện tích 1.880m² (có hồ sơ kèm theo)

4.2. *Tại biên bản xác minh ngày 9/3/2023 ông Phùng Thiên B1 công chức địa chính xã T cho biết:* Sau khi kiểm tra sổ mục kê, sổ địa chính UBND xã T quản lý: tại tờ bản đồ số F48-116(145-b) ông Bùi Văn B được sử dụng thửa đất ố 27 diện tích 1240m² và thửa số 28 diện tích 640m² đất vườn, năm 1998 UBND huyện L cấp lần đầu số 245954 vào sổ 01018-QSDD/H311 QĐ/UB ngày 30/12/1998 tên ông Bùi Văn B. Tại sổ mục kê không ghi nguồn gốc hình thành thửa 27 và thửa 28, ông Bùi văn B là con cụ Í và cụ T1 sinh ra và lớn lên tại thôn Đ xã T cùng với mẹ là cụ Hoàng Thị T1.

4.3. *Trường xóm Đ cho biết:* Thửa đất ông B đang sử dụng ban đầu là của cụ T1 và cụ Í cùng các con cùng chung sống trên thửa đất đó. Sau này cụ Í vào Kim bồi sống khi các con của các cụ trưởng thành thì đi học, đi thoát ly và ở riêng duy nhất có ông B là sống với cụ T1 từ nhỏ đến khi cụ T1 chết ông B là người thờ cúng bố mẹ. Thửa đất này trước đây lồi lõm không được bằng phẳng quá trình chung sống vợ chồng ông B đã tôn tạo, cải tạo để thửa đất được bằng phẳng.

4.4. *Ông Nguyễn Văn H2 (hàng xóm ông B) cho biết:* ông Bùi Văn B sống cùng cụ T1 từ khi còn nhỏ đến khi cụ T1 chết, ông B là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cụ T1 và là người làm tang chôn cất thờ cúng giỗ chạp cụ T1. Khi ông L2 chết, ông B cũng là người thờ cúng chôn cất. Theo phong tục tập quán thì ai ở đất của bố mẹ thì có nghĩa vụ ma chay giỗ chạp và thờ cúng. Thửa đất ông B đang ở trước đây gồ ghề, lồi lõm khi trời mưa lũ nước ngập như ao. Ông B có tôn tạo đổ thêm đất đá nên mới được như ngày hôm nay.

4.5. *Ông Bùi Văn M cho biết:* Ông Bùi Văn B con của cụ Hoàng Thị T1 và cụ Bùi Văn Í, hai cụ sống ở xóm nước Vải sau đó chuyển xuống thửa đất này sinh sống. Về sau cụ Í và anh K, chị N, anh L2 về Kim B2 sinh sống. Cụ T1 ở trên thửa đất này với anh B, chị H1. Anh B sống với cụ T1 từ nhỏ cho đến khi cụ T1 chết, anh B vẫn tiếp tục sống trên thửa đất này. Thửa đất anh B sinh sống trước đây bị thấp trũng nên hơi mưa là úng. Vợ chồng anh B đổ đất đá nên mới được như ngày hôm nay.

4.6. *Ông Hoàng Văn C (em họ cụ Hoàng Thị T1) trình bày:* Khi kết hôn thì cụ T1 cụ Í sống tại xóm N Vải và sinh được ông K, bà N, ông L2, bà N1, bà H1, ông B. Sau khi có mâu thuẫn, cụ Í về K sống, cụ T1 cùng các con sống tại xóm Đ. Thửa đất ông B đang ở là do cụ T1 trực tiếp khai phá từ năm 1967. Khi các anh chị đi học đi làm thì ở chỗ khác còn lại ông B thì ở với cụ T1 từ nhỏ cho đến khi cụ T1 chết. Cụ T1 chưa được cấp GCNQSD đất đến năm 1998 nhà nước cấp GCNQSD đất cho ông B. Ông B là người chăm sóc nuôi dưỡng cụ T1, mọi công việc lớn nhỏ trong gia đình, họ hàng hàng đều do ông B là người tham gia, lo lắng hoàn thành công việc giỗ chạp.

Tại Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 21/9/2022:

- Tài sản trên đất: Có 01 căn nhà xây 01 tầng đổ mái bằng cùng bếp và công trình phụ, điện nước đồng bộ do ông Bùi Văn B xây dựng từ năm 2019; 01 móng nhà xây phía sau tiếp giáp đất nhà ông T3.

- Cây cối: 06 cây cau, 23 gốc bưởi nhỏ, 02 bưởi to, 02 cây sung, 01 cây lộc vừng, 01 cây hoa sữa, 01 cây hoa ban, 01 cây tai chua, 02 cây soài, 01 cây bơ, 04 cây mít, 02 cây soan, 01 cây hồng bì.

Tại Biên bản định giá ngày 21/9/2022:

Giá thị trường tại thời điểm đất ở và đất vườn là 1.000.000đồng /m². Tổng giá trị cây cối hoa màu = 16.586.800 đồng. Nhà ở cấp 4 + Bếp + Kho + nhà vệ sinh mái hiên + sân, xây năm 2002 đã hết khấu hao.

Tại bản trích đo ngày 08/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai diện tích đất thực tế ông B sử dụng là 2240.9m²; lấy vào thửa số 17 diện tích 165.3m², lấy vào thửa số 40 diện tích 7.3m², thửa số 25 diện tích 63.0m²; thửa số 27 diện tích 1229.0m², thửa số 28 diện tích 667.9m², thửa 29 diện tích 21.5m², đất giao thông 83.7m².

Diện tích thửa đất số 27 và thửa số 28 do lại bằng phương pháp máy đo đạc địa chính thì thửa đất số 27 giảm hơn so với giấy CNQSD đất là 11m²; Thửa đất số 28 tăng 27,9m². Cả hai thửa tăng lên 16,9m².

Theo Công văn số 1134 ngày 12/7/2024 của Phòng tài nguyên môi trường huyện L thì diện tích đất tăng thêm thuộc đất quy hoạch đất ở nông thôn.

Tại Bản án số: 18/2024/DS-ST ngày 04/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình: Căn cứ các Điều 26 Điều 35 Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 157, Điều 165 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật đất đai 1993; Luật HNGĐ 1986; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 616, 623, 649, 650, 651 BLDS; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH/2013 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Bùi Văn Í và cụ Hoàng Thị T1 theo pháp luật.

- Xác nhận di sản thừa kế chia theo pháp luật của cụ Bùi Văn Í và cụ Hoàng Thị T1 là diện tích đất 1.896.9m², tại thửa số 27 có diện tích 1229m² trong đó 400m² đất ở và 829m² đất trồng cây lâu năm và thửa số 28 có diện tích là 667m² đất trồng cây lâu năm. Cả hai thửa đều trên tờ bản đồ số 145b tại xóm Đ xã T, Lương Sơn H. Trị giá là 1.896.900.000 đồng (Một tỷ, tám trăm chín sáu triệu, chín trăm nghìn đồng).

- Xác định người được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Bùi Văn Í và cụ Hoàng Thị T1 gồm: Bà Bùi Thị N, ông Bùi Trọng K2, ông Bùi Trọng L1, bà Bùi Thị N1, bà Bùi Thị H1, ông Bùi Văn B.

- Xác định người được hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Bùi Trọng L1 gồm: Bà Bùi Thị N, ông Bùi Trọng K2, bà Bùi Thị N1, bà Bùi Thị H1, ông Bùi Văn B.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Bùi Trung K giao toàn bộ phần phần di sản thừa kế mà ông được hưởng cho ông Bùi Văn B sử dụng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà N, bà N1, bà H1, ông K giao cho ông B quản lý sử dụng 01 xuất đất thờ cúng và công sức đóng góp.

Di sản thừa kế được chia cụ thể như sau:

- + Chia cho ông Bùi Văn B được sử dụng 867,1m² trong đó 250m² đất ở và 617,1 m² đất trồng cây lâu năm tại thửa số 27 tờ bản đồ 145b địa chỉ: xóm Đ, xã T. Trên đất có ngôi nhà cấp 4 công trình phụ bếp, được tiếp tục chăm sóc thu hoạch toàn bộ cây cối nằm trên phần đất ông B được hưởng gồm: 06 cây cau, 12 cây bưởi nhỏ, 02 cây bưởi to, 02 cây sung, 01 cây lộc vừng, 01 cây hoa Ban, 01 cây tai chua, 01 cây hoa sữa, 01 cây soan. Trong trường hợp cây cối nằm trên lối

đi chung vào thửa đất bà N, bà H1, bà N1 thì ông B phải di dời trả lại đất cho bà H1, bà N và bà N1. Thể hiện trên sơ đồ là thửa số 01 có hướng như sau: Hướng Bắc lối ra đường nhựa có chiều rộng 3,64m; Hướng Nam giáp đất của bà N1, bà N và bà H1 có chiều dài 29,71m; Phía Đông giáp thửa đất số 17 có chiều dài 8,28m+ 3,82m+17,93m+19,53m; Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn H2, Bùi Văn M1 có chiều dài 7,31m+13,91m+8,78m+6,23m+13,05m+5,57m.

Ông B được nhận tiền chênh lệch tài sản từ bà N phải thanh toán là 18.200.000 đồng, bà N1 thanh toán 18.300.000 đồng, bà H1 phải thanh toán 18.300.000 đồng. Tổng trị giá tài sản ông B được hưởng là 921.900.000 đồng.

+ Chia cho bà Bùi Thị N1 343,3m² đất trong đó 50m² đất ở và 293,3m² đất trồng cây lâu năm nằm trên 02 thửa gồm (Thửa số 27 là 94,4m² gồm đất ở 50m², đất trồng cây lâu năm là 44,4m². Thửa số 28 là 248,9m² đất trồng cây lâu năm). Cả 02 thửa đều trên tờ bản đồ số 145b xóm Đ, xã T, huyện L, Hòa Bình. Thể hiện trên bản trích đo là thửa số 04 có các hướng như sau: Phía Bắc giáp đất ông B có chiều dài 12,21m; Phía Nam giáp đường đi có chiều dài 12,35m + 5,97m; Phía Đông giáp thửa đất số 17 có chiều rộng 7,58 m+ 6,33m; Phía Tây giáp thửa đất của bà N có chiều dài 27,07m.

Được sở hữu, chăm sóc, thu hoạch toàn bộ số cây cối trên diện tích bà N1 được chia gồm: 08 cây bưởi, 01 cây hồng bì, 01 cây bơ.

Bà Bùi Thị N1 phải thanh toán cho ông Bùi Văn B số tiền 19.390.000 đồng. Trong đó giá trị đất 18.300.000 đồng, cây cối trên đất là 1.090.000 đồng. Trị giá tài sản bà N1 được hưởng là 326.090.000 đồng (Ba trăm hai sáu nghìn, không trăm chín mươi đồng)

Bà N1 tự nguyện để ra 56,1m² phía Đông giáp đất nhà ông B, phía Tây đất bà N làm lối đi chung vào thửa đất số 2 có chiều dài 7,33m+0,45m + 13,43m+ 6,58m; 8,62m+13,96m+7,23m. Chiều rộng đường đi = 0,6m giáp đất nhà ông biên và bà N.

+ Chia cho bà Bùi Thị N được quyền sử dụng 343,2m² đất trong đó 50m² đất ở và 293,2m² đất trồng cây lâu năm, nằm trên 2 thửa gồm (Thửa số 27 là 50m² đất ở và 64,7m² đất trồng cây lâu năm. Thửa số 28 là 228,5m² đất trồng cây lâu năm) cả hai thửa đều trên tờ bản đồ số 145b xóm Đ, xã T, huyện L, Hòa Bình. Thể hiện sơ đồ là thửa số 03 có các hướng như sau: Phía Bắc giáp đất của bà N1 có chiều dài 9,91m; Phía Nam giáp đường đi có chiều dài 10,74m+2,03m; Phía Đông giáp đất của bà N1 có chiều dài 27,07m; Phía Tây giáp đất của bà H1 có chiều dài 31,80m.

Được sở hữu, chăm sóc thu hoạch toàn bộ số cây nằm trên phần đất bà N được hưởng gồm 02 cây soài, 02 cây mít, 02 cây bưởi.

Bà N phải thanh toán cho ông Bùi Văn B số tiền 22.030.000 đồng. Trong đó giá trị đất 18.200.000 đồng, cây cối trên đất 3.820.000 đồng. Giá trị tài sản bà N được hưởng là 328.820.000 đồng (Ba trăm hai tám triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng)

Bà N tự nguyện để ra 56,6m² làm lối đi chung vào thửa đất số 03 giáp đất của bà N1 và ông B có chiều dài phía Nam 17,50m, giáp đất nhà bà N1 phía tây có chiều dài 7,33m + 13,80m + 6,43m + 8,86m + 14m + 7,13m x với chiều rộng đường đi là 0,6m giáp đất bà H1 và bà N1.

+ Chia cho bà Bùi Thị H1 343,3m² đất, trong đó 50m² đất ở và 293,3m² đất trồng cây lâu năm nằm trên 02 thửa đất gồm (thửa đất số 27 là 50m² đất ở và 103,8 m² đất trồng cây lâu năm. Thửa số 28 là 189,5 m² đất trồng cây lâu năm) Cả hai thửa đều trên tờ bản đồ số 145b xóm Đ, xã T, huyện L, Hòa Bình. Thể hiện sơ đồ là thửa số 02 có các hướng như sau: Phía Bắc giáp đất của bà N có chiều dài 8,26m; Phía Nam có chiều dài 5,21m giáp đường đi; Phía Đông giáp đất của bà N có chiều dài 31,8m; Phía Tây giáp thửa đất số 20 có chiều dài 11,85m + 3,34m + 2,02m + 2,64m; 4,61m + 2,27m + 6,79m + 12,75m.

Bà H1 sở hữu chăm sóc, thu hoạch toàn bộ số cây nằm trên phần đất bà H1 được hưởng gồm 01 cây mít, 01 cây bưởi, 01 cây soan.

Bà H1 phải thanh toán cho ông Bùi Văn B số tiền chênh lệch tài sản là 18.671.000 đồng, trong đó tiền chênh lệch di sản thừa kế là 18.300.000 đồng, tiền cây cối trên đất 371.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bà H1 được hưởng là 325.371.000 đồng (Ba trăm hai lăm triệu, ba trăm bảy một nghìn đồng).

Bà H1 tự nguyện để ra 40,8m² đất làm lối đi chung vào thửa đất số 02 có chiều rộng 0,6m giáp đất bà N và ông M có chiều dài 8,26m + 14,17m + 6,27m + 0,5m + 8,91m + 14,05m + 7,06m.

Tổng diện tích đất của bà N1, bà N và bà H1 tự nguyện làm ngõ đi chung có diện tích là 152,6 m² chiều rộng 1,8m được tính từ mép công giáp ngõ xóm kéo vào thửa đất của bà N1, bà N và bà H1 (có sơ đồ kèm theo). Trong quá trình sử dụng đất nếu cây cối, tài sản nào nằm trên phần đường đi chung thì bên được chia có quyền di dời toàn bộ cây cối, tài sản ra khỏi phần đất của mình được chia.

Các đương sự có quyền liên hệ với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mà mình được hưởng. Diện tích đất của các đồng thừa kế được tách từ giấy CNQSD đất số 245954 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 30/12/1998 tên ông Bùi Văn B.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/10/2024 bị đơn Bùi Văn B kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2024/DS-ST ngày 04/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm và hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Bản án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đó là: Không đưa 02 con của ông B và T vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan; Giải quyết thiếu yêu cầu khởi kiện là hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông B, do vậy cần hủy án sơ thẩm để xét xử lại.

Đại diện VKSND tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán và Thư ký Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1, Điều 308 BLTTDS, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn Bùi Văn B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2024/DS-ST ngày 04/10/2024 của TAND huyện Lương Sơn.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền về loại việc và lãnh thổ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 04/10/2024 Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn xét xử sơ thẩm; Ngày 30/10/2024 bị đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về thời hiệu chia di sản: Cụ Bùi Văn Í chết năm 1992; cụ Hoàng Thị T1 chết ngày 25/02/2014, trong hồ sơ vụ án, tại bút lục số 08 giấy xác nhận của UBND xã T không thể hiện ngày, tháng chết của cụ Í mà chỉ thể hiện năm 1992 cụ Í mất. Ngày 06/5/2018 gia đình bà Bùi Thị N có biên bản họp gia đình phân chia di sản thừa kế tại UBND xã T, huyện L nhưng không thành, đến tháng 3/2022 bà Bùi Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế. Tại đơn kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn B trình bày ngày ông Í mất là 14/02/1992 (âm lịch) không nhớ ngày dương lịch. Căn cứ Điều 263 BLSD năm 2015 quy định thời hiệu thừa kế đối với bất động sản là 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế, cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự chia di sản thừa kế vẫn còn là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2. Về di sản thừa kế: Quá trình chung sống, vợ chồng cụ Í và Cụ T4 xây dựng được khối tài sản chung là 02 thửa đất số 27 và thửa đất số 28, tờ bản đồ 145-b, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.880m² địa chỉ: xóm Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình (trong đó đất ở 400m², còn lại là đất trồng cây lâu năm), trên đất có căn nhà gỗ 03 gian vách đất đã đổ nát hiện không còn. Điều này

đã được các bên đương sự thừa nhận. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành trích đo, đo đạc lại 02 thửa đất 27 + 28 và kết quả cho thấy có sự tăng thêm về diện tích của cả 2 thửa là 16,9m². Đối với phần diện tích tăng thêm này, cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền đã trả lời diện tích đất thuộc quy hoạch đất ở nông thôn không có tranh chấp các hộ liền kề, sử dụng ổn định, không thuộc dự án hay quy hoạch nào khác nên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, do vậy HĐXX cần xác định di sản thừa kế là thửa đất số 27 và thửa đất số 28 với diện tích thực tế 1896,9m² là đúng quy định của pháp luật.

2.3. Về xác định hàng thừa kế và cách thức chia di sản thừa kế:

Cụ Í và cụ T4 sinh được 06 người con gồm bà Bùi Thị N, ông Bùi Trung K, ông Bùi Trọng L1, bà Bùi Thị N1, bà Bùi Thị H1 và ông Bùi Văn B. Không có con riêng hay nhận nuôi con nuôi nào khác do đó hàng thừa kế thứ nhất của cụ Í và cụ T4 được xác định gồm có 06 người con trên là đúng quy định.

Năm 2022 ông Bùi Trọng L1 chết, ông L1 không có vợ con nên hàng thừa kế thứ hai của ông L1 được xác định gồm có bà N, ông K, bà H1, bà N1, ông B.

Cụ Í, cụ T4 và ông L1 chết không để lại di chúc, do đó việc chia di sản được thực hiện theo pháp luật.

Về cách thức chia di sản, theo quy định tại khoản 2 Điều 651 của Bộ luật dân sự 2015: “Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản thừa kế bằng nhau”. Hội đồng xét xử đánh giá gia đình ông B là người sống chung và chăm sóc cụ T4, có công sức trong việc cải tạo thửa đất nên ông B được hưởng thêm 01 suất thừa kế là phù hợp. Đối với các ý kiến của ông K tự nguyện nhận phần di sản và tặng cho toàn bộ ông B. Ý kiến bà N, bà H1, bà N1 tự nguyện xin nhận 50m² đất ở, còn lại là đất vườn, Hội đồng xét xử xét các ý kiến trên là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và có lợi cho bị đơn nên cần được chấp nhận.

Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hiện trạng thửa đất; ý kiến của các bên tham gia tố tụng, phân chia di sản thừa kế của cụ Í và cụ T4 theo quyết của Bản án số: 18/2024/DS-ST ngày 04/10/2024 của TAND huyện Lương Sơn là đảm bảo quyền lợi của các đương sự và hoàn toàn phù hợp, đúng pháp luật dân sự.

2.4. Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng cần phải đưa cháu Bùi Khánh L3 và cháu Bùi Nguyên P (con của ông B) là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tại cấp phúc thẩm đã được khắc phục, HĐXX đánh giá quá trình chung sống với ông B bà T các cháu còn quá nhỏ, còn phải nuôi ăn học, phía bị đơn cũng không xuất trình được các tài liệu chứng cứ chứng minh các cháu có công sức đóng góp đối với khối tài sản này. Hơn nữa theo bản án sơ thẩm phần di sản ông B được chia là bao gồm toàn bộ nhà đất hộ ông B đã xây dựng và đang sử dụng nên sẽ không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Bùi Khánh L3 và cháu Bùi Nguyên P.

2.5. Đối với quan điểm cho rằng cấp sơ thẩm giải quyết thiếu yêu cầu khởi kiện là yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm xác định nội dung trên không phải là yêu cầu khởi kiện cũng không phải là yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập là đúng với giải đáp số 196/TANDTC – PC ngày 03/10/2023 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong công tác xét xử. Đồng thời tại bản án sơ thẩm đã xác định thửa đất 27+28 đã cấp GGNQSD đất cho ông B là không đúng, các phần đất đã được phân chia cho các hàng thừa kế, như vậy toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn đã được giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[4] Về án phí: Bị đơn Bùi Văn B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn B.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2024/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.
3. Về án phí: Ông Bùi Văn B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nay được khấu trừ số tiền 300.000 đồng ông B đã nộp tại Chi cục THADS huyện L, tỉnh Hòa Bình theo biên lai số 0001458 ngày 31/10/2024. Xác nhận ông B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (Ngày 18/4/2025).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hoà Bình;
- TAND huyện Lương Sơn;
- Chi cục THADS huyện Lương Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Trường Sơn

